

Lịch Sử Đạo Hồi



Trong lịch sử thế giới, chưa từng có một tôn giáo nào bành trướng một cách mạnh mẽ và nhanh chóng cho bằng đạo Hồi. Từ một nhóm người du mục sống trong một ốc đảo heo hút giữa sa mạc Syro-Arabia đã mau chóng biến thành những con người đầy quyền lực tung hoành từ Cận Đông đến Âu Châu và từ Bắc Phi đến tận các nước Châu Á:

- Chỉ trong vòng 10 năm kể từ ngày giáo chủ Muhammad qua đời (632-642) quân Hồi Giáo Ả Rập đã chiếm trọn bán đảo Arabia (rộng gấp 8 lần Việt Nam), chiếm Iraq, Syria, Palestine, Ai Cập và phía Tây nước Iran.
- Trong 2 năm (648-649), quân Hồi chiếm Carthage, Tunisia.

- Một điều làm cho cả thế giới kinh ngạc là lần đầu tiên người Ả Rập chiếm một nước Âu Châu, đó là Hy Lạp.
- Thừa thắng xông lên, người Hồi Giáo Ả Rập mở cuộc chiến tranh đánh Tây Ban Nha. Sau 5 năm, người Hồi chiến thắng đã chiếm trọn nước Âu Châu rộng lớn và nổi tiếng sùng đạo Công Giáo nhất thời bấy giờ.
- Năm 712, quân Hồi Giáo chiếm trọn Iran (Ba Tư) và dùng nước này làm bàn đạp tiến quân đánh chiếm các nước Trung Á ở phía nam nước Nga, chiếm vùng Bắc Ấn rộng lớn (nay là Pakistan và Afganistan) và xâm nhập phía Tây Trung Quốc - Quân Hồi bị quân nhà Đường chặn lại tại sông Talas nên phải rút về Trung Á.

Sự xuất hiện và bành trướng của đạo Hồi trong thế kỷ 7 hung bạo dữ dội như cơn gió xoáy (tornado) khiến cho cả thế giới phải kinh hoàng. Chúng ta thử tìm hiểu những nguyên nhân nào đã khiến cho đạo Hồi có thể bành trướng với tốc độ vũ bão như vậy. Các sử gia đã phân tích 3 nguyên nhân sau đây:

Nguyên nhân 1: Qua nhiều ngàn năm sống trên các cánh đồng cỏ ở sa mạc Syro-Arabia, kiếp sống lang thang của những người Ả Rập càng ngày càng trở nên khó khăn vì đất đai ngày càng trở nên khô cằn. Từ thế kỷ 6, bộ lạc Quraysh (tổ tiên của Muhammad) có sáng kiến bỏ nghề du mục để chuyển hẳn sang nghề thương mại. Họ tổ chức các cuộc đi buôn đường xa với những đoàn lữ hành (caravans) gồm hàng trăm người và rất nhiều ngựa, lạc đà để chở hàng hóa lương thực, lều vải, vũ khí... Dần dần, thị trường ngày càng được mở rộng, nhu cầu thương mại gia tăng, những đoàn lữ hành có thể gia tăng lên tới nhiều ngàn người.

Do nhu cầu tự vệ, mọi người trong đoàn lữ hành đều phải học cưỡi ngựa, cưỡi lạc đà, luyện tập sử dụng các thứ vũ khí như gươm giáo cung tên, kể cả võ thuật và chiến thuật quân sự. Ngoài ra, họ học nói nhiều ngoại ngữ, học cả địa lý và phong tục tập quán của các nước lân cận để gia tăng khả năng giao dịch thương mại. Trải qua nhiều thập niên, những thương gia (traders) Ả Rập trở thành những người đa tài, đa năng và đa hiệu. Họ chẳng những là những thương gia rành nghề mà còn là những quân nhân thiện chiến, kỹ luật và còn là những người lãnh đạo quần chúng.

Vào đầu thế kỷ 7, Mecca là thủ phủ của những người Quraysh đã trở nên một trung tâm thương mại lớn nhất tại Trung Đông. Những người Quraysh không còn có dáng dấp què mùa nghèo khổ của thế kỷ trước nữa trái lại họ đã trở thành những người văn minh giàu có. Điều đó làm cho nhiều bộ lạc Ả Rập khác phải thèm muốn và cố gắng noi theo. Một trong những bộ lạc nổi tiếng hung dữ là bộ lạc Bedouins bắt chước bộ lạc Quraysh đã bỏ nghề du mục và tham gia vào các đoàn caravans của Mecca.

Vào giữa thế kỷ 7, gặp cơ hội đạo Hồi phát triển, các bộ lạc Ả Rập, nhất là Quraysh và Bedouin, đã nô nức nhập cuộc dùng tôn giáo làm phương tiện bành trướng lãnh thổ để thay đổi môi trường sống tại bán đảo Ả Rập quá cần cỗi.

Nguyên nhân 2: Từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 7, toàn vùng Trung Đông và Bắc Phi bị hai đế quốc Byzantine và Sassanian thay phiên nhau thống trị. Đế quốc Byzantine là hậu thân của đế quốc La Mã, được Đại Đế Constantine thành lập năm 330, đặt thủ phủ tại hải cảng Byzantine của Hy Lạp. Từ đời Constantine (thế kỷ 4) đến đời hoàng đế cuối cùng của đế quốc Byzantine vào giữa thế kỷ 15, tất cả đều là những hoàng đế theo Ki Tô Giáo Đông Phương (Eastern Christian Church) sau này trở thành Chính Thống Giáo.

Đế Quốc Sassanian là đế quốc Ba Tư, tồn tại 427 năm (từ năm 224 đến 651). Các hoàng đế của đế quốc Sassanian đều theo đạo Hỏa Giáo (Zoroastrianism). Cả hai đế quốc nói trên đánh nhau liên miên suốt 4 thế kỷ, đến đầu thế kỷ 7 thì cả hai đế quốc này đều bị kiệt quệ tạo nên một khoảng trống quyền lực (a power vacuum) tại Trung Đông và Bắc Phi. Do đó, những đoàn kỵ binh của Hồi Giáo Ả Rập đã tiến vào lãnh thổ của cả hai đế quốc này như tiến vào chỗ không người.

Nguyên nhân 3: Giáo lý đạo Hồi là sản phẩm của người Ả Rập nên được người Ả Rập đón nhận một cách dễ dàng và tự nhiên. Từ thời xa xưa, người Ả Rập đã chấp nhận niềm tin của Abraham, nghĩa là tin có Thiên Chúa (tiếng Ả Rập gọi là Allah) tin có Thiên đàng, Hỏa ngục, tin có các thiên thần v.v... Cho nên người Ả Rập không coi Hồi Giáo như một đạo ngoại lai mà là đạo cổ truyền của dân tộc. Văn thơ trong kinh Koran đối với người Ả Rập là những áng thơ văn tuyệt tác. Mỗi khi họ đọc kinh Koran là một dịp họ ngâm thơ, họ cảm thấy những vần thơ đó rất hấp dẫn vì rất hợp với khiếu thẩm mỹ văn chương của họ. Ý niệm thánh chiến (Jihad) và ý niệm tử đạo (martyrdom) hoàn toàn phù hợp với tâm lý vốn hung bạo của người Ả Rập vì họ rất quen thuộc với cuộc sống đầy bất trắc tại sa mạc. Kinh Koran mô tả thiên đàng rất hấp dẫn đối với các chiến binh trẻ tuổi: Sau khi chết trận, được coi như tử đạo, sẽ được Chúa cho lên thiên đàng để hưởng đủ lạc thú cho đến muôn đời. Lạc thú độc đáo nhất mà chỉ đạo Hồi mới có, đó là những người chết trận hoặc tử đạo đều được những cô gái trinh tuyệt đẹp đón tiếp và phục vụ lạc thú tình dục cho đến muôn đời vì mọi người ở thiên đàng đều trẻ mãi không già! Niềm tin đặc biệt này đã là một yếu tố tâm lý quan trọng khiến cho những người lính Hồi Giáo trở thành những chiến sĩ rất dũng cảm trong các cuộc thánh chiến. Chỉ vì cuồng tín, những đoàn quân Hồi Giáo đã lập nên những chiến công oanh liệt như những kỳ tích vượt xa sự dự tưởng của mọi người.

Những cuộc chiến tranh mở rộng nước Chúa của Hồi Giáo (Kingdom of Allah) từ ngày lập đạo tới nay có thể được chia ra làm hai thời kỳ:

Thời kỳ I: từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 13: Đạo Hồi bành trướng và phát triển tạo thành một số quốc gia theo đạo Hồi, đứng đầu cộng đồng Hồi Giáo là một vị vua được gọi là Caliph, có nghĩa là "người kế vị giáo chủ Muhammad về phương diện thế quyền". Xin ghi thêm ở đây là đạo Hồi tin giáo chủ Muhammad là thiên sứ cuối cùng của Allah cho nên không một ai có quyền tự xưng là kẻ thừa kế của Ngài về phương diện thần quyền.

Thời kỳ II: từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 20: Do những biến cố đặc biệt của thế giới đã đưa đến sự hình thành ba đế quốc Hồi Giáo. Trước hết là sự xâm lăng của quân Mông Cổ chiếm các nước Trung Đông và sau đó chiếm các nước Bắc Ấn và nhiều nước Á Châu khác tạo thành một đế quốc Mông Cổ rộng lớn. Từ cuối thế kỷ 13, nhiều hoàng đế Mông Cổ theo đạo Hồi đã tạo nên đế quốc Hồi Giáo Mughul (do chữ Mongol mà ra). Trong thế kỷ 15, tại Âu Châu, người Thổ Nhĩ Kỳ Hồi Giáo chế ra thuốc súng và lập ra binh chủng pháo binh đầu tiên trên thế giới. Dựa vào sức mạnh quân sự, người Thổ Hồi Giáo xưa quân đánh chiếm nhiều nước trên cả 3 lục địa Âu, Á, Phi và lập nên đế quốc Ottoman. Cuối cùng, dân tộc Azerbaizan ở tây nam biển Caspian bỗng nhiên trở nên hùng mạnh vào đầu thế kỷ 16, cất quân đánh chiếm nhiều nước Âu Châu và Trung Đông tạo thành đế quốc Safavids theo giáo phái Shiite.

I. Thời Kỳ Cai Trị của Các Caliphs (The Caliphate Rulers)

A. Bốn người kế vị đầu tiên của Muhammad (632-661):

Danh từ Hồi Giáo Ả Rập gọi chung cả bốn vị thừa kế đầu tiên của giáo chủ Muhammad là RASHIDUN - Họ được coi là 4 trụ cột của Hồi Giáo trong thời kỳ sơ khai. Họ đã lần lượt thay thế nhau trong 29 năm kể từ khi Muhammad qua đời, nhưng những việc làm của họ đã có những ảnh hưởng hết sức lớn lao cho sự tồn vong của đạo Hồi. Bốn vị đó là : Abu Bakr, Umar Khattab, Uthman Affan và Ali Talib.

1. Abu Bakr (632-634). Sau khi Muhammad qua đời, cộng đồng Hồi Giáo non trẻ lâm vào tình trạng hỗn loạn vì không có lãnh đạo. Không một ai được đa số tín đồ Hồi Giáo tín nhiệm bầu lên làm người kế vị Muhammad. Trước tình thế bế tắc đó, Abu Bakr tự động đứng lên dành quyền lãnh đạo. Ông là một thương gia giàu có và có uy tín bậc nhất ở Mecca. Ông đã nghiêm khắc ra 2 lệnh cấm khẩn cấp để bảo vệ đạo Hồi và cộng đồng Hồi Giáo:

- Tuyệt đối cấm không một tín đồ nào được rời bỏ cộng đồng Hồi Giáo (Islamic confederacy)
- Không một ai được tự xưng là tiên tri vì Muhammad là vị tiên tri cuối cùng của Thiên Chúa trên thế gian này.

Abu Bakr đã mau chóng phá tan các âm mưu chia rẽ cộng đồng Hồi Giáo và chỉ sau 2 năm, toàn bán đảo Ả Rập đã theo đạo Hồi. Bán đảo Ả Rập rất rộng lớn, (gấp 8 lần diện tích Việt Nam) hiện được chia thành nhiều quốc gia độc lập: Saudi Arabia, Yemen, Qatar, Omar và Emerite.

2. Umar Khattab (634-644). Sau khi Abu Bakr qua đời, Umar được bầu làm người kế vị (Caliph) cai quản cả một cộng đồng Hồi Giáo rộng lớn trên toàn bán đảo Ả Rập. Umar là một thiên tài quân sự kiệt xuất trong lịch sử Hồi Giáo. Ông đã ban hành trên toàn lãnh thổ Ả Rập những biện pháp sau đây:

- Để bảo toàn lực lượng Hồi Giáo, các bộ lạc trong Cộng đồng đạo Hồi tuyệt đối không được đánh nhau.
- Mọi người nam giới trong các bộ lạc trên lãnh thổ bán đảo Ả Rập đều là các binh sĩ, tất cả đều được huấn luyện quân sự và được sắp xếp thành các đơn vị quân đội. Umar tự xưng là "Tư lệnh của các tín đồ" (The commander of the faithful). Sau hai năm huấn luyện các binh sĩ và trang bị vũ khí đầy đủ, Umar bắt đầu mở mang nước Chúa bằng sức mạnh quân sự:

* Năm 636, Umar đích thân chỉ huy quân Hồi Giáo chiếm Iraq và Syria.

* Năm 637, Umar chiếm toàn lãnh thổ của đế quốc Sassanian (Ba Tư) và chiếm thành phố lớn nhất của đế quốc Byzantine là Anatolia.

* Năm 638, Umar xua quân chiếm Palestine và thánh địa Jerusalem.

* Năm 641, Umar chiếm toàn bộ các nước Bắc Phi gồm Ai Cập, Algeria, Tunisia và Maroc.

Một điều đáng chú ý là những đoàn quân Hồi Giáo đã tiến chiếm những vùng đất xa xôi thuộc nhiều hướng khác nhau nhưng vị chỉ huy tối cao là Umar vẫn đặt bản doanh ở Medina, một ốc đảo trong sa mạc Syro - Arabia. Ông chỉ huy các đoàn quân Hồi Giáo trên những sa bàn và những bản đồ tại văn phòng của ông. Dưới sự lãnh đạo kiệt xuất của Umar trong 10 năm, Hồi Giáo từ một giáo phái nhỏ ở sa mạc đã biến thành một đế quốc rộng lớn. Các tín đồ Hồi Giáo cho đó là một phép lạ của Allah, trong khi Âu Châu bắt đầu cảm thấy e ngại trước sự lớn mạnh của một tôn giáo mới.

Họ gọi đạo Hồi là "đức tin của bạo lực" (A violent faith) hoặc là một "tôn giáo quân phiệt" (a militaristic religion). Vào một ngày định mệnh trong tháng 11 năm 644, trong khi Umar đang cầu nguyện trong đền thờ tại Medina thì bị một tù binh người Ba Tư đâm chết.

3. Uthman (644-656). Uthman là cánh tay mặt và phục vụ dưới trướng của Umar 10 năm. Uthman đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm về tài thao lược quân sự của người tiền nhiệm. Vào lúc này, Hồi Giáo là một quyền lực quân sự lớn ở trong vùng vì họ đã tịch thu được rất nhiều chiến lợi phẩm quân sự và tích lũy được rất nhiều tài nguyên kinh tế dự trữ tại các vùng chiếm đóng. Dưới sự lãnh đạo tài ba của Uthman trong 12 năm, quân Hồi đã lập nên nhiều kỳ tích chưa từng thấy:

- Trước hết, quân Hồi chiếm Hy Lạp và nhiều nước phía đông Địa Trung Hải.
- Mấy năm sau, một cánh quân tiến về phía Tây chiếm Libya.
- Một cánh quân khác tiến về phía đông chiếm nước Âu Châu Armenia, tiến vào miền Caucase của Nga. Trong khi đó một cánh quân khác tràn xuống phía nam đánh chiếm Bắc Ấn Độ (tức Afghanistan và Pakistan ngày nay).

Tới lúc này, Hồi Giáo đã thành một đế quốc mênh mông kéo dài từ Âu sang Á tới Bắc Phi. Những quân lính Ả Rập Hồi Giáo hầu hết đều đã xa nhà trên 10 năm, phần đông đều cảm thấy chán nản. Nhiều tướng lĩnh Hồi Giáo xa chủ tướng đã quá lâu nên cũng mất đi tình thân ban đầu.

Năm 656, một nhóm tướng và binh sĩ bất mãn đã bắt thản trở về Medina vây bắt và giết chết Uthman tại chỗ. Nhóm này đưa Ali Talib lên làm vị Caliph thứ tư của Hồi Giáo.

4. Ali Talib (656-662). Vụ sát hại Uthman để đưa Ali lên thay là một biến cố vô cùng tai hại cho Hồi Giáo trong suốt nhiều thế kỷ qua và có thể còn kéo dài mãi mãi về sau. Ali là em họ và đồng thời là con rể của Muhammad. Khi vừa được bầu lên làm Caliph, Ali đã gặp phải sự chống đối của Muawiyah là người nhà của

Uthman. Muawiyah lúc đó là quan toàn quyền Hồi Giáo cai trị Syria lên tiếng chỉ trích Ali đã không trừng phạt kẻ sát hại Uthman. Ali mang quân đến đánh Muawiyah nhưng hai bên đánh nhau khá lâu không phân thắng bại nên phải ngưng chiến. Năm 662, Ali bị ám sát chết. Muawiyah tự cho mình là người đang nắm quyền lực quân sự mạnh nhất nên tự xưng là Caliph lãnh đạo cộng đồng Hồi Giáo. Ý tự ý dời thủ đô Hồi Giáo từ Medina về Damascus lúc đó là thủ đô của Syria. Muawiyah mở đầu cho một triều đại Hồi Giáo kéo dài tới 6 thế kỷ. Đó là triều đại Umayyad (Umayyad Dynasty) gồm những vị vua cai trị các nước Hồi Giáo, tất cả đều tự xưng là Caliph (661-1250). Do đó, tất cả các vua Hồi Giáo thuộc triều đại Umayyad đều được gọi chung là "Caliphate Rulers", có nghĩa là các nhà lãnh đạo cộng đồng với tư cách là người kế vị Muhammad.

Riêng cá nhân Muawiyah cai trị toàn bộ cộng đồng Hồi Giáo rộng lớn trong 19 năm. Ông biến những người theo ông thành một giai cấp quý tộc mới, nói đúng hơn là một giai cấp thống trị (a ruling class). Chủ thuyết của Muawiyah là cai trị dân bằng sức mạnh quân sự (military aristocracy). Muawiyah chết vì bệnh năm 680.

Trong thời gian đó, những người Hồi Giáo thân Ali đã lập ra một giáo phái mới là giáo phái Shiite. Số tín đồ Hồi Giáo còn lại được gọi chung là Sunni, có nghĩa là Đa số. Năm 680, vua Yazid (con của Muawiyah) đến Medina chặn bắt con trai của Ali là Husayn và giết nhiều người thuộc giáo phái Shiite. Năm sau (681), Yazid mang quân trở lại Medina (nơi ở cuối cùng của Muhammad) tàn phá và dim thành phố thánh địa này trong biển máu. Để trả thù, giáo phái Shiite mang quân chiếm thánh địa Mecca và tàn phá nặng nề thành phố này. Từ đó đến nay, trải qua trên 13 thế kỷ, hai giáo phái Sunni và Shiite thường xuyên xung đột nhau nhiều trận đẫm máu. Số người tử trận cả hai bên có thể lên tới nhiều chục triệu người. Đây là một thảm họa lớn nhất trong lịch sử thế giới Hồi Giáo.

II. Thời Kỳ Của Những Đế Quốc Hồi Giáo - Từ Thế Kỳ 13 Đến Thế Kỳ 20.

1. Đế Quốc Mughul :

Mughul là tiếng phiên âm Ả Rập để gọi người Mông Cổ (Mongol). Người sáng lập đế quốc Mông Cổ là Thành Cát Tư Hãn (Genghis Khan 1162-1227). Thoạt đầu ông thống nhất các bộ lạc du mục Mông Cổ vốn có tài cưỡi ngựa và bắn cung. Sau đó ông huấn luyện và tổ chức họ thành quân ngũ và biến họ thành những đoàn kỵ binh bách chiến bách thắng. Với đoàn quân hùng mạnh này, Thành Cát Tư Hãn đã lần lượt đánh chiếm nhiều nước từ Á sang Âu tới tận Trung Đông và Phi Châu. Luật tác chiến rất nổi tiếng của Thành Cát Tư Hãn là : Hễ tới nơi nào ngoan ngoãn đầu hàng thì tha, bất cứ một thành phố hay làng mạc nào chống cự đều bị phá bình địa và tất cả mọi người dân không kể già trẻ lớn bé đều phải chết!

- Năm 1219, quân Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn đánh chiếm Thổ Nhĩ Kỳ. Vua Thổ cùng đoàn tùy tùng bỏ chạy bị quân Mông Cổ truy kích qua Iran tới tận Azerbaizan thì bị bắt. Quân Mông Cổ tới đâu đều để lại phía sau sự đổ nát hoang tàn.
- Năm 1231, hàng loạt các thành phố nổi tiếng của Hồi Giáo như Baghdad, Bukhara, Damascus... đều bị đốt phá bình địa với những xác chết la liệt trên đường phố. Dân chúng sợ hãi lũ lượt kéo nhau chạy qua các nước lân cận.
- Năm 1255, Mông Cổ hoàn thành một đế quốc rộng lớn bao la bao gồm Trung Quốc, Cao Ly, Ngoại Mông, hàng chục nước Trung Á và Bắc Ấn Độ, Syria, Palestine, Thổ Nhĩ Kỳ.

Nhưng một biến cố quan trọng đã xảy ra cho cả Hồi Giáo lẫn Mông Cổ, đó là vào năm 1295, hoàng đế Mông Cổ Ghazan Khan theo đạo Hồi thuộc giáo phái Sunni. Từ đó về sau, các hoàng đế Mông Cổ đều theo đạo Hồi. Càng về sau, các quan và cả triều đình Mông Cổ trong đế quốc đều thành những tín đồ Hồi Giáo thành tín. Các học sĩ Hồi Giáo Ả Rập (Ulama) được trọng dụng, nhất là trong việc soạn thảo các bộ luật hình sự và dân sự phỏng theo luật Hồi Giáo Sharia.

Hoàng đế Mông Cổ Timur Lenk đóng đô tại Thổ Nhĩ Kỳ xua quân đánh chiếm Iran năm 1387, chiếm hải cảng Golden Horde của Nga năm 1395, chiếm Ấn Độ năm 1398, tàn phá thủ đô New Delhi và giết hàng chục ngàn tù binh Hindu tại đây. Năm 1400, Timur chiếm hai nước Iran và Iraq. Tại đây, Timur ra lệnh tàn sát hàng triệu người thuộc giáo phái Shiite. Vì quá say máu chiến thắng, năm 1404, Timur kéo quân ngược về phía Trung Á rồi vượt biên giới tiến đánh vào phía Tây Trung Quốc. Cuộc chiến kéo dài qua năm sau, Trung Quốc phản công giết quân Mông Cổ rất nhiều và bản thân Timur cũng bị tử trận trong năm 1405.

Những hoàng đế Mông Cổ kế tiếp chú trọng việc mở rộng đế quốc ở Châu Á:

- Năm 1478, đế quốc Mughul chiếm Indonesia và biến nước này thành nước Hồi Giáo. Ngày nay, Indonesia là một nước đông dân nhất của thế giới đạo Hồi với trên 200 triệu dân.
- Từ 1520 đến 1837, đế quốc Mughul cai trị toàn Ấn Độ. (Ấn Độ mang tên Mughul Empire of India). Hoàng đế Mông Cổ đóng đô tại New Delhi. Năm 1643, hoàng đế Mông Cổ cho xây ngôi mộ của hoàng hậu ở ngoại ô New Delhi rất nổi tiếng, đó là ngôi mộ Taj Mahal..
- Năm 1747, đế quốc Mughul chiếm Afghanistan và cai trị nước này 100 năm.
- Năm 1831, người Anh chiếm Ấn Độ và chấm dứt đế quốc Mughul trên lục địa Châu Á.

2. Đế quốc Ottoman (1289-1924)

Danh từ Ottoman xuất phát từ tên của một bộ lạc du mục là OSMAN ở phía tây Thổ Nhĩ Kỳ. Bộ lạc này bắt đầu khởi binh từ năm 1280. Chỉ trong 9 năm, họ chiếm một vùng lãnh thổ rộng lớn gồm có Tây Nam Á Châu, Đông Nam Âu Châu và Đông Bắc Phi Châu. Họ gọi đế quốc của họ là OTTOMAN. Những người lãnh đạo đế quốc này đều theo đạo Hồi thuộc giáo phái Sunni. Họ chẳng những nổi tiếng về tài năng thao lược quân sự mà còn nổi tiếng về khả năng chính trị rất khéo léo của họ. Nhờ vậy, đế quốc Ottoman đã tồn tại qua 7 thế kỷ.

- Năm 1389, quân Ottoman chiếm Albania và Kosovo, biến vùng này thành những nước theo Hồi Giáo.
- Năm 1444, quân Ottoman đánh tan Thập Tự Quân của giáo hoàng La Mã tại Bulgaria.
- Tháng 4.1453, quân Hồi Giáo Ottoman xóa sổ đế quốc Byzantine, tức đế quốc Ki Tô Giáo Đông Phương và chiếm thủ đô của đế quốc này là thành phố Constantinople. Điểm son của Ottoman là sau khi chiếm Constantinople và nhiều lãnh thổ của Byzantine, Ottoman công bố chính sách khoan dung tôn giáo đối với Do Thái Giáo và Ki Tô Giáo. Nhờ vậy, trong nhiều thế kỷ sau, Ottoman đã mở rộng thương mại với các nước Âu Châu Ki Tô Giáo và trong lãnh thổ đế quốc không có một cuộc nổi loạn nào. Tuy nhiên, đối với giáo phái Shiite, Ottoman có một chính sách quyết liệt không khoan nhượng.
- Năm 1467, Ottoman công bố thánh chiến với giáo phái Shiite, các tín đồ Shiite trong đế quốc bị lùng giết.
- Từ 1467 đến 1520, quân Ottoman tiến chiếm Syria, Ai Cập, Bắc Phi và toàn bán đảo Arabia.
- Từ 1520 đến 1534, quân Ottoman chiếm Nam Tư và một phần Âu Châu tới thủ đô Vienne của Áo.
- Năm 1606, Ottoman chiếm Romania, Hungaria, Ba Lan và Tiệp Khắc. Tới lúc này, đế quốc Ottoman trở thành siêu cường quốc tế (World Power).

Từ đầu thế kỷ 19, các cường quốc Âu Châu (Anh, Pháp, Đức) bắt đầu xâm chiếm các phần đất của Ottoman và dần đế quốc này vào chỗ suy tàn.

3. Đế quốc Safavids của giáo phái Shiite (1501-1779)

Thoạt đầu Safavids là một nhánh của giáo phái Shiite xuất phát tại nước Azerbaizan ở tây nam biển Caspian. Năm 1501, lãnh tụ của giáo phái Safavids là Esmail khởi binh chiếm luôn cả nước Azerbaizan. Esmail tự xưng là "Vua Hồi Giáo" (Sha/Sultan) và ra lệnh cho toàn dân phải theo đạo Hồi (giáo phái Shiite). Ít lâu sau, Esmail xua quân đánh chiếm các nước lân cận theo Chính Thống Giáo là Armenia, Georgia và vùng núi Caucase của Nga. Trong thời gian chiếm đóng, quân Hồi Safavids đã giết hại rất nhiều người Chính Thống Giáo. Riêng tại Armenia, số tín đồ Chính Thống Giáo bị giết lên tới một triệu người. Sau đó quân Safavids chuyển qua phía đông tấn công thành phố Anatolia để dẫn mặt đế quốc Ottoman theo giáo phái Sunni. Trong khi đó, một nhóm khác thuộc giáo phái Shiite ở Ba Tư nổi lên cướp chính quyền của giáo phái Sunni. Nhóm nổi loạn ra lệnh cho cả nước Ba Tư phải theo Shiite, ai bất tuân lệnh đều bị giết. Tất cả các học sĩ (Ulamas) lãnh đạo giáo phái Sunni đều bị chém đầu, không sót một ai. Kể từ đó, nước Ba Tư (Iran) trở thành một quốc gia toàn tòng theo giáo phái Shiite. Các vua Hồi Giáo Ba Tư được gọi là SHA, vừa là vua vừa là giáo chủ, phần đông đều cực đoan và hung dữ.

Phần đông các học sĩ Hồi Giáo Ba Tư đều theo môn phái triết học thần bí (mystical philosophy) tóm tắt như sau: "Chính trị và tôn giáo là một, không thể tách rời. Mọi cải cách xã hội không thể vượt quá tư tưởng tôn giáo".

Với bản chất cuồng tín cực đoan cố hữu của giáo phái Shiite, nay lại có thêm chủ thuyết thần bí của các Mullahs (học sĩ) giáo phái Shiite càng ngày càng trở nên cực đoan nguy hiểm. Họ luôn luôn có thái độ bất khoan dung với các tôn giáo khác, nhất là đối với giáo phái Hồi Giáo Sunni, chiếm 80% dân số đạo Hồi.

Như đã trình bày trên đây, từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 20, trong thế giới Hồi Giáo đã xuất hiện ba đế quốc riêng biệt và luôn tranh chấp với nhau. Cả ba đế quốc Hồi Giáo đã được thành lập và suy tàn vào những thời điểm khác nhau:

- Đế quốc Mughul thành lập đầu thế kỷ 13, suy tàn cuối thế kỷ 19.
- Đế quốc Ottoman thành lập cuối thế kỷ 13, suy tàn đầu thế kỷ 20.
- Đế quốc Safavids thành lập đầu thế kỷ 16, suy tàn trong thế kỷ 18.

Như vậy, hai đế quốc Hồi Giáo lớn mạnh nhất là Ottoman và Mughul đã cùng tồn tại song hành và chia nhau thống trị thế giới Hồi Giáo bao la trong 7 thế kỷ. Ít nhất là trong 200 năm, từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18, cả ba đế quốc Mughul, Ottoman và Safavids cùng tồn tại trong thế giới đạo Hồi (The Islamic World).

Từ thế kỷ 18 trở đi, các nước Âu Châu trở nên hùng cường mọi mặt đã đẩy lùi các đế quốc Hồi Giáo đến chỗ suy tàn. Khởi đầu là nước Nga đánh tan quân Ottoman ở vùng Biển Đen năm 1774, chiếm lại Armenia và vùng núi Caucase. Năm 1792, Nga chiếm Georgia và Romania từ tay Ottoman.

Đầu thế kỷ 19, Nga chiếm toàn bộ miền Trung Á gồm nhiều nước theo đạo Hồi thuộc đế quốc Mughul. (Sau Cuộc Cách Mạng Tháng Mười Nga năm 1917, các nước Hồi Giáo Trung Á đều biến thành các tiểu bang thuộc Liên Bang Xô Viết).

Cũng trong đầu thế kỷ 19, Hòa Lan chiếm Indonesia và Mã Lai. Anh chiếm Ấn Độ bao gồm cả một tiểu lục địa (sau 1947, Ấn Độ bị chia thành nhiều nước: Pakistan, Bangladesh, Tích Lan và Ấn Độ).

Cuối thế kỷ 19, Anh chiếm Ai Cập và Sudan. Pháp chiếm Algeria, Tunisia và Maroc.

Đầu thế kỷ 20, Ý chiếm Lybia. Anh và Pháp chiếm Palestine, Jordan, Iraq, Syria và Liban.

Tóm lại, từ đầu thế kỷ 20, chỉ ngoại trừ một nước duy nhất là Thổ Nhĩ Kỳ, còn lại toàn bộ thế giới Hồi Giáo đều trở thành những thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Âu Châu.

Lịch sử bành trướng và phát triển của đạo Hồi luôn luôn gắn liền với chiến tranh và bạo lực. Vì thế đạo Hồi nổi tiếng là "tôn giáo của lưỡi gươm" (Religion of Sword) hoặc "tôn giáo quân phiệt" (Militaristic Religion). Kinh Thánh Koran của Hồi Giáo được gọi là "Cuốn sách của tử thần" (The Book of Death) và đức tin Hồi Giáo là "đức tin hung bạo" (a violent faith). Trong hơn một thế kỷ qua, thế giới Hồi Giáo đã bị Tây Phương dồn vào thế suy kiệt mọi mặt. Họ không còn con đường nào khác hơn là thực hiện chủ nghĩa khủng bố. Về hình thức thì ngày nay chiến tranh có khác với ngày xưa, nhưng về thực chất thì chủ nghĩa khủng bố cũng là một hình thái của chiến tranh và bạo lực. Chỉ khác một điều: chủ nghĩa khủng bố là hình thái chiến tranh của những kẻ đã bị dồn vào thế yếu nhưng buộc phải chiến đấu với kẻ thù lớn mạnh hơn mình để tồn tại.

Nhìn về tương lai, chúng ta khó đoán được cuộc chiến tranh khủng bố sẽ đưa nhân loại đi về đâu, nhưng nhìn về quá khứ chúng ta phải công nhận sức mạnh của Hồi Giáo đã tạo nên nhiều thành tích quan trọng:

- Trong thế kỷ 7, Hồi Giáo Ả Rập tiêu diệt đế quốc Sassanian đã từng làm mưa làm gió ở Trung Đông trong 10 thế kỷ trước đó.

- Trong thế kỷ 15, Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ tiêu diệt đế quốc Ki Tô Giáo Byzantine (hậu thân của đế quốc La Mã) chặn đứng sự bành trướng của Ki Tô Giáo xuống bán đảo Ả Rập và Trung Đông.

- Nói chung, sự xuất hiện và phát triển lớn mạnh của đạo Hồi đã tạo nên một đối trọng ngang ngửa với Ki Tô Giáo và tựu trung Hồi Giáo đã phá tan tham vọng bá chủ toàn cầu của đế quốc Vatican.